

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2022
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Bích

2. Ông Võ Hoàng V

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều:* Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc T** sinh năm: 1978 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 80A đường N, phường T, quận N, TP. C.

Địa chỉ liên hệ: 193 đường T, phường A, quận B, TP. C.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Phương Anh V** sinh năm: 1977 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 80A đường N, phường T, quận N, TP. C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Phương Anh V tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Ngày 25/7/2002, Ủy ban nhân dân phường Tân An, quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/HT-2002, quyển số 01. Sau khi kết hôn thời gian dài thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, ông V không quan tâm lo lắng cho vợ con. Sau nhiều lần tìm các biện pháp để hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Ông bà đã sống ly thân. Hiện nay, bà

xác định không còn tình cảm với ông V, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phương Anh V.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Phương Anh M (nam), sinh ngày 17/10/2006. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Phía bị đơn ông Nguyễn Phương Anh V trong quá trình giải quyết, ông có ý kiến***: *Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian quen nhau, nguyên nhân mâu thuẫn. Bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Ông xin thời gian để hàn gắn tình cảm, ông còn thương vợ con, không muốn ly hôn.

- *Về con chung*: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về việc ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Phương Anh M (nam), sinh ngày 17/10/2006. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung. Ông có ý kiến: Đồng ý để bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng vào ngày cuối tháng ông lãnh lương ông sẽ đưa bà T lo cho con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như nội dung đơn khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn và bị đơn. Cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phương Anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, quận Ninh Kiều nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Quá trình chung sống, bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn nên bà T có đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*”. Ông V cư trú tại quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự tham gia phiên tòa vào các ngày 09/8/2022 và ngày 29/8/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Phía nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà T và ông V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/7/2002. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông V không quan tâm lo lắng cho vợ con. Sau nhiều lần tìm các biện pháp để hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Ông bà đã sống ly thân. Hiện nay, bà xác định không còn tình cảm với ông V, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V.

Phía ông V trong quá trình giải quyết, tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2022 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian quen nhau, nguyên nhân mâu thuẫn. Bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Ông xin thời gian để hàn gắn tình cảm, ông còn thương vợ con, không muốn ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông V đã rạn nứt, ông V thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng, nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, ông bà đã sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông V xin thời gian để hàn gắn tình cảm với bà T, Tòa án đã cho thời gian 02 tháng kể từ ngày hòa giải (18/5/2022) để ông V và bà T hàn gắn tình cảm với nhau nhưng theo bà T trình bày thì giữa bà và ông không thể hàn gắn tình cảm với nhau được, phía ông V không có biện pháp nào để khắc phục khuyết điểm lo cho vợ con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho bà T cũng như ông V nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Phương Anh M (nam), sinh ngày 17/10/2006. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V đồng ý để bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng vào ngày cuối tháng ông sẽ đưa bà T lo cho con chung nên ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc ông V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.0000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của bà T và ông V không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: + Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà T đã nộp xong án phí.

+ Bị đơn ông Nguyễn Phương Anh V phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Do đó, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều là có căn cứ phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn ông Nguyễn Phương Anh V.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Phương Anh M (nam), sinh ngày 17/10/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Nguyễn Phương Anh V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.0000 đồng/tháng vào ngày cuối tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V, không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của các đương không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: + Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001773 ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

+ Bị đơn ông Nguyễn Phương Anh V phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Tân An;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi